

ÁN LỆ SỐ 44/2021/AL¹

Về việc xác định thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu phản tố

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 10/2021/KDTM-GĐT ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp hợp đồng tư vấn thiết kế*” tại Hà Nội, giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần H với bị đơn là Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 2 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

Khái quát nội dung án lệ:

- *Tình huống án lệ:*

Trong vụ án dân sự, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- *Giải pháp pháp lý:*

Trường hợp này, Tòa án phải xác định yêu cầu phản tố của bị đơn chính là yêu cầu khởi kiện và phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Khoản 4 Điều 60, Điều 159, Điều 176, Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (tương ứng với khoản 4 Điều 72, Điều 184, Điều 200, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015); điểm e, khoản 1, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khóa của án lệ:

“*Yêu cầu phản tố*”; “*Xác định thời hiệu khởi kiện*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2010 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty cổ phần H do người đại diện trình bày:

Ngày 29/01/2008, Công ty cổ phần H và Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P ký Hợp đồng tư vấn thiết kế số 01-2008/PLC- HDC, với nội dung: Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P (bên Tư vấn) có trách nhiệm thiết kế toàn bộ Dự án “*Trung tâm Thương mại - Khách sạn 4 sao HD - Hotel*” trên khu đất diện tích

¹ Án lệ này do Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề xuất.

8.971m² tại D7, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, do Công ty cổ phần H là Chủ đầu tư. Tổng giá trị Hợp đồng là 1.754.550 USD (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được phân bổ theo 3 giai đoạn thực hiện: Giai đoạn 1 - Thiết kế xây dựng; Giai đoạn 2 - Thiết kế nội thất cảnh quan; Giai đoạn 3 - Giám sát tác giả.

Theo đó, Giai đoạn 1 (Thiết kế xây dựng), phí thiết kế là 1.191.822 USD (được ký hiệu là A); phí giám sát tác giả là 62.728 USD (ký hiệu AA) được chia làm 12 đợt (từ “Thanh toán lần 1” cho đến “Thanh toán lần 12”), trong đó:

- Thanh toán lần 1: 25% x A ngay sau khi ký Hợp đồng và bên Tư vấn đã nộp Chứng thư Ngân hàng bảo lãnh Hợp đồng, các Hợp đồng bảo hiểm cho Chủ đầu tư.

- Thanh toán lần 2: 5% x A sau khi nộp Hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc cho Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Thanh toán lần 3: 10% x A sau khi nộp Hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc lên Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền tương đương và Hồ sơ trên được thẩm tra phê duyệt.

Quá trình thực hiện ở Giai đoạn 1 (Thiết kế xây dựng), Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đã giao nộp cho Công ty cổ phần H các Hợp đồng bảo hiểm, Chứng thư Ngân hàng bảo lãnh Hợp đồng và Hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc của Dự án. Công ty cổ phần H đã chuyển tiền thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P được 02 đợt: Thanh toán lần 1 (25% x A và thuế giá trị gia tăng, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0081905 ngày 27/02/2008); thanh toán lần 2 (5% x A và thuế giá trị gia tăng, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0081909 ngày 18/8/2008). Tổng số tiền của 2 lần thanh toán nêu trên là 396.751,75 USD, tương đương với 6.374.689.675 đồng quy đổi theo tỷ giá VND/USD tại thời điểm thanh toán. Sau đó, do thay đổi quy mô Dự án và hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc điều chỉnh giá trị hợp đồng cho thiết kế mới nên Công ty cổ phần H đơn phương chấm dứt Hợp đồng và có tranh chấp với Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P về giá trị thanh toán.

Công ty cổ phần H cho rằng ở đợt Thanh toán lần 1, Công ty cổ phần H đã tạm ứng thanh toán thừa so với khối lượng công việc thực tế Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đã thực hiện. Nay Công ty cổ phần H chỉ chấp nhận thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P số tiền chiếm khoảng 8% phí thiết kế xây dựng (8% x A) cho cả 2 lần thanh toán (lần 1 và lần 2). Ngoài ra, Công ty cổ phần H chấp nhận chịu khoản tiền phạt tương đương với 1% giá trị Hợp đồng do Công ty cổ phần H đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Do đó, Công ty cổ phần H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P hoàn trả lại cho Công ty cổ phần H số tiền mà Công ty cổ phần H đã thanh toán thừa cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P là 278.841,8 USD (sau khi đối trừ số tiền đã tạm ứng với số tiền được thanh toán).

Bị đơn là Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P do người đại diện trình bày:

Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tiền của nguyên đơn với lý do đây là tiền Công ty cổ phần H đã thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P theo tiên độ thỏa thuận trong Hợp đồng, không phải là tiền tạm ứng. Ngoài ra, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P có Đơn phản tố, yêu cầu Công ty cổ phần H ngoài việc phải chịu khoản tiền phạt tương đương với 1% giá trị Hợp đồng do đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Công ty cổ phần H phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đợt Thanh toán lần 3 (10% phí thiết kế) do Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đã hỗ trợ xong về mặt kỹ thuật để phê duyệt Hồ sơ thiết kế của Dự án. Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P cho rằng việc không trình Hồ sơ thiết kế cho cấp có thẩm quyền dẫn đến Hồ sơ thiết kế này không được phê duyệt là hoàn toàn do lỗi của Công ty cổ phần H.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2011/KDTM-ST ngày 20/6/2011, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần H đối với Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P. Buộc Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P phải hoàn trả cho Công ty cổ phần H số tiền tạm ứng của Hợp đồng số 01-2008/PLC-HDC ký ngày 29/01/2008 là 272.571,41 USD tương đương với 5.642.228.187 đồng. Bác yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đối với Công ty cổ phần H.

Ngày 01/7/2011, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 27/2011/KDTM-PT ngày 21/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 60/2014/KN-KDTM ngày 15/9/2014, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 27/2011/KDTM-PT ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy bản án phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2011/KDTM-ST ngày 20/6/2011 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 18/2015/KDTM-GĐT ngày 26/3/2015, Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 27/2011/KDTM-PT ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số

01/2011/KDTM-ST ngày 20/6/2011 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 32/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H đối với Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P về việc buộc Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P phải trả lại cho Công ty cổ phần H số tiền 6.308.478.665 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P buộc Công ty cổ phần H thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P (tính đến ngày 20/11/2019), số tiền cụ thể sau:

+) Tiền thanh toán lần 03 (theo Hợp đồng tư vấn thiết kế số 01/2008/PLC- HDC ngày 29/01/2008): 1.599.420.000 đồng.

+) Tiền bồi thường (theo Điều 2.8.5b, điều kiện chung của Hợp đồng tư vấn thiết kế số 01/2008/PLC-HDC ngày 29/01/2008) là: 406.704.690 đồng.

+) Tiền lãi của số tiền 1.599.420.000 đồng là 2.080.735.870 đồng.

Tổng cộng là: 4.086.860.560 đồng.

3. Ngoài số tiền Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P như trên, Công ty cổ phần H còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P số tiền lãi của số tiền 1.599.420.000 đồng kể từ ngày 21/11/2019 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất chậm thanh toán mà các bên đã thỏa thuận là 12%/năm.

4. Đối với số tiền bồi thường (theo Điều 2.8.5b, điều kiện chung của Hợp đồng tư vấn thiết kế số 01/2008/PLC-HDC ngày 29/01/2008) là 406.704.690 đồng thì kể từ ngày Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi Công ty cổ phần H thanh toán xong, Công ty cổ phần H còn phải thanh toán tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/12/2019, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P và Công ty cổ phần H đều có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 82/2020/KDTM-PT ngày 15+19/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm về cách tuyên đối với nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H đối với

Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P về việc buộc Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P phải trả lại số tiền 6.308.478.665 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P. Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P các khoản: 1.599.420.000 đồng (tiền thanh toán giai đoạn 03 của Hợp đồng tư vấn thiết kế) + 2.080.735.870 đồng (lãi suất chậm trả) + 406.704.690 đồng (tiền phạt do đơn phương chấm dứt hợp đồng). Tổng cộng: 4.086.860.560 đồng.

Ngày 02/11/2020, Công ty cổ phần H có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 02/KNGĐT-VC1-KDTM ngày 02/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 82/2020/KDTM-PT ngày 15+19/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 32/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại Giấy ủy quyền ngày 01/10/2015 và Giấy ủy quyền ngày 16/03/2016 thể hiện ông S là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P ủy quyền cho ông D và ông N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Công văn số 9089/A72-P4 ngày 10/8/2015, Công văn số 14733/A72-P4 ngày 11/12/2015 và Công văn số 9443/QLXNC-P4 ngày 12/6/2019 xác định “ông S xuất cảnh ngày 18/10/2014, không có thông tin liên quan đến nhập, xuất cảnh của ông S trong khoảng thời gian từ 01/8/2015 đến ngày 07/6/2019”. Như vậy, có căn cứ xác định thời điểm ông S ký giấy ủy quyền cho ông D, ông N tham gia tố tụng thì ông S không có mặt tại Việt Nam. Trong trường hợp, các giấy ủy quyền này được lập, gửi về từ nước ngoài thì theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự phải được công chứng, chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự mới có giá trị pháp lý. Bên cạnh đó, việc xác định vào thời điểm lập giấy ủy quyền, ông S đang ở Việt Nam hay ở nước ngoài còn liên quan đến việc xem xét, xác định thẩm quyền giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ các nội dung này mà đã chấp nhận giá trị và nội dung của giấy ủy quyền (trong khi nguyên đơn cũng có yêu cầu Tòa án xác minh tính xác thực và tính hợp pháp

của các giấy ủy quyền này) là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

[2] Về yêu cầu phản tố, nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm tại Bản án số 82/2020/KDTM-PT về việc yêu cầu phản tố không bị giới hạn bởi thời hiệu khởi kiện (tr. 15) là không đúng. Theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu phản tố là yêu cầu không nằm trong yêu cầu của nguyên đơn, có thể được giải quyết bằng một vụ án độc lập; việc giải quyết yêu cầu phản tố trong cùng vụ án là để kết quả giải quyết chính xác và nhanh hơn. Yêu cầu phản tố cũng chính là yêu cầu khởi kiện nên phải tuân thủ quy định về thời hiệu khởi kiện. Do đó, trường hợp có yêu cầu phản tố và có đương sự trong vụ án đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định xem yêu cầu phản tố có còn thời hiệu khởi kiện hay không mới đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Theo Hợp đồng tư vấn thiết kế giữa hai bên, điều kiện để được Thanh toán lần 3 là: “Sau khi nộp Hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc lên Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền tương đương và Hồ sơ trên được thẩm tra phê duyệt”. Tài liệu hồ sơ vụ án cho thấy, sau khi nhận được Công văn số 99-2008/CV- HD/QLDA ngày 03/9/2008 của Công ty cổ phần H thông báo về việc dừng in bản vẽ thiết kế do thay đổi quy mô Dự án (nâng số tầng), Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đã chấp thuận nội dung thông báo này của Công ty cổ phần H nên ngày 29/9/2008, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đã gửi Văn bản số MLS/HD/29/9/08 về việc “Chào giá thiết kế phí công trình khách sạn cao cấp H” để điều chỉnh giá cho phương án thiết kế mới. Do không thỏa thuận được với nhau về việc điều chỉnh giá trị hợp đồng nên Công ty cổ phần H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Hai bên tranh chấp về việc giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Công ty cổ phần H cho rằng đã thanh toán thừa cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P số tiền 278.841,8 USD (sau khi trừ số tiền đã tạm ứng với số tiền được thanh toán) nên khởi kiện đòi lại. Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H và có yêu cầu phản tố buộc Công ty cổ phần H thanh toán tiền lần 3 theo hợp đồng và khoản tiền phạt vi phạm. Thấy rằng, Công ty cổ phần H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng (theo quy định tại điểm g Điều 2.8.1 Phần II) nên theo điểm a Điều 2.8.5 Phần II của Hợp đồng tư vấn thiết kế quy định: “Khi chấm dứt hợp đồng theo các Điều 2.8.1 hoặc Điều 2.8.2 của Điều kiện chung của hợp đồng, các bên sẽ thỏa thuận về việc thanh toán cho Tư vấn thu nhập theo Điều 6 của Điều kiện chung của Hợp đồng trên cơ sở các phần dịch vụ Tư vấn đã thực hiện đạt yêu cầu và được chủ đầu tư chấp thuận trong thời gian trước ngày chấm dứt hợp đồng có hiệu lực. Ngoài ra, chủ đầu tư không phải thanh toán cho tư vấn bất kỳ khoản nào khác, ngoại trừ Điều 2.8.1.g thì chủ đầu tư sẽ bồi thường cho tư vấn tương đương 1% giá trị hợp đồng”. Do đó, cần phải căn cứ vào giá trị khối lượng công việc thực tế mà Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đã thực hiện để làm cơ sở xác định nghĩa vụ

thanh toán của Công ty cổ phần H. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không yêu cầu Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh khối lượng công việc thực tế mà Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P đã thực hiện sau lần thanh toán thứ 2 của giai đoạn 1 được quy định tại Điều 6.4 Hợp đồng tư vấn thiết kế, đã chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P ½ số tiền của lần thanh toán thứ 3 theo hợp đồng (tương ứng với 5% phí thiết kế xây dựng) là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

[5] Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có cơ sở nên cần hủy toàn bộ bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNGĐT-VC1-KDTM ngày 02/3/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 82/2020/KDTM-PT ngày 15+19/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 32/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội về vụ án “Tranh chấp hợp đồng tư vấn thiết kế” giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần H với bị đơn là Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng P.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ:

“[2] Về yêu cầu phản tố, nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm tại Bản án số 82/2020/KDTM-PT về việc yêu cầu phản tố không bị giới hạn bởi thời hiệu khởi kiện (tr. 15) là không đúng. Theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu phản tố là yêu cầu không nằm trong yêu cầu của nguyên đơn, có thể được giải quyết bằng một vụ án độc lập; việc giải quyết yêu cầu phản tố trong cùng vụ án là để kết quả giải quyết chính xác và nhanh hơn. Yêu cầu phản tố cũng chính là yêu cầu khởi kiện nên phải tuân thủ quy định về thời hiệu khởi kiện. Do đó, trường hợp có yêu cầu phản tố và có đương sự trong vụ án đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định xem yêu cầu phản tố có còn thời hiệu khởi kiện hay không mới đúng quy định pháp luật.”

